

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/DS-ST

Ngày 06-3-2025

*Về tranh chấp "Hợp đồng mượn tài sản"*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Núi

2. Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng mượn tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn T. H, sinh năm 19xx. Địa chỉ: 489A/23/131 Huỳnh V. B, phường X, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Thị T. Q, sinh năm 19xx. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

*(bà Nguyễn T. H có đơn xin vắng mặt, chị Nguyễn Thị T. Q vắng mặt không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn T. H trình bày: Ngày 18/02/20xx bà có cho chị Nguyễn Thị T. Q mượn số tiền 22.000.000 đồng. Chị Q đã trả cho bà tổng số tiền là 22.500.000 đồng cụ thể vào các ngày: Ngày 18/8/20xx, chị Q trả 1.000.000 đồng. Ngày 21/9/20xx, chị Q trả 1.000.000 đồng. Ngày 25/12/20xx, chị Q trả 1500.000 đồng. Ngày 20/4/20xx, chị Q trả 10.000.000 đồng. Ngày 22/6/20xx, chị Q trả 10.000.000 đồng. Từ đó đến nay chị Q không trả tiền cho bà nữa. Bà đã

nhiều lần yêu cầu chị Q trả tiền nhưng chị Q không thực hiện. Nay bà yêu cầu chị Q trả số tiền mượn chưa trả là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng), yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực.

\* Quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị T. Q vắng mặt không rõ lý do, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp "Hợp đồng mượn tài sản" được xem xét, giải quyết theo quy định Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn T. H có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị T. Q vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Q vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của chị Q không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T. H là có căn cứ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà H đã giao nộp bản chính giấy tay mượn tiền ngày 18/02/2022 do chị Q ký nhận nợ với bà H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Q nhưng chị Q không đến Tòa trình bày ý kiến của bị đơn. Chị Q không có ý kiến phản đối gì, cũng không đưa ra chứng cứ trả tiền. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử kết luận chị Q có mượn bà H số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Mặc khác, bà H thừa nhận chị Q đã trả cho bà tổng số tiền là 22.500.000 đồng, còn nợ số tiền 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng), đến nay chị Q vẫn chưa trả nên bà H kiện đòi là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 496 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của bà Nguyễn T. H được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị T. Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 494, 496; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử*

*dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T. H.

1. Buộc chị Nguyễn Thị T. Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn T. H số tiền 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T. Q phải chịu 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự.

Bà Nguyễn T. H không phải chịu án phí, bà đã được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà H, chị Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**Đặng Văn Lắm**